

Bản án số: 124/2021/HS-ST

Ngày 26/11/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phúc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: **Nguyễn Xuân Thuật**; Ông: **Lê Văn Hoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy** – Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì , TP. Hà Nội tham gia phiên tòa:
bà **Đào Thanh Huyền** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì. TAND huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 109/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Văn T**, sinh năm 1967 (Tên gọi khác: Không). Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Trình độ văn hoá: 07/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Vũ Văn C4, đã chết. Con bà: Phùng Thị Ng4, sinh năm 1937; Vợ: Nguyễn Thị Kh4, sinh năm 1966 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2021 đến 07/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Vũ Văn Tr**, sinh năm 1992 (Tên gọi khác: Không). Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Vũ Văn T, sinh năm 1967. Con bà: Nguyễn Thị Kh3, sinh năm 1966; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2021 đến 07/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1980 (Tên gọi khác: Không). Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn NT, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Trình độ văn hoá: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn T4, sinh năm 1954. Con bà: Nguyễn Thị Đ4 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Kh4, sinh năm 1982, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn Kh**, sinh năm 1983 (Tên gọi khác: Không). Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn TX, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn Tr3, đã chết. Con bà: Nguyễn Thị T5, sinh năm 1941; Vợ: Đỗ Thị Th5, sinh năm 1983, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Tại Bản án số 45/2011/HSST ngày 28/4/2011 của TAND huyện Ba Vì xử phạt Kh 26 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc quy định tại Điều 248 BLHS năm 1999. Kh đã chấp hành xong án phí HSST ngày 16/7/2012. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2021 đến 07/02/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Vũ Văn T2**, sinh năm 1995 (Tên gọi khác: Không). Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Vũ Văn Ch3, sinh năm 1974. Con bà: Đỗ Thị D3, sinh năm 1976; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị can hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1993 (Tên gọi khác: Không). Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn NT, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Trung C6, sinh năm 1956. Con bà: Nguyễn Thị N6, sinh năm

1963; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị can hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Lê Văn T3**, sinh năm 1992 (Tên gọi khác: Không). Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Lê Văn N7, sinh năm 1963. Con bà: Bùi Thị Kh7, sinh năm 1963; Vợ: Đào Thị H7, sinh năm 1993 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không. Bị can hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. Bị cáo tại ngoại vắng mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1988 (Tên gọi khác: Không). Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn NT, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn H8, sinh năm 1962. Con bà: Nguyễn Thị L8, sinh năm 1968; Vợ, con: chưa có. Bị can hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Đỗ Thị T5, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Tuấn Xuyên, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

- Anh Đỗ Văn K3, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

(Chị T5, anh K3 đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 01h00' ngày 05/02/2021, Đội cảnh sát hình sự công an huyện Ba Vì tuần tra, kiểm soát trên địa bàn thôn MT - xã VT - huyện Ba Vì - TP. Hà Nội thì phát hiện bắt quả tang Vũ Văn T (SN 1967) cùng đồng bọn đang có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi “liêng” tại nhà của T thuộc thôn MT - xã VT - huyện Ba Vì. Tang vật thu giữ : 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; số tiền 21.310.000 đồng trên chiếu bạc, 50.070.000 đồng trên người các con bạc. Quá trình bắt quả tang, Nguyễn Văn C, Vũ Văn

T2 và Lê Văn T3 đã bỏ chạy thoát, đến ngày 19, 22 và 24/02/2021, C, T2, T3 lần lượt đến CQĐT-CA huyện Ba Vì để đầu thú về hành vi phạm tội đánh bạc của bản thân.

Quá trình điều tra, các bị can đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 21h30' ngày 04/2/2021, T đang ở nhà tại xã VT- huyện Ba Vì thì có Nguyễn Văn T1 (SN 1980), Nguyễn Văn Kh (SN 1983), Nguyễn Văn L (SN 1988), Nguyễn Văn C (SN 1993), Vũ Văn T2 (SN 1995), Lê Văn T3 (SN 1992- đều ở xã VT- H. Ba Vì) đến chơi. Lúc này, Vũ Văn Tr (SN 1992- là con trai của T) cũng đi chơi về, T liền rủ mọi người chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh "liêng" thì mọi người đồng ý. T bảo T1 lấy thăm trải ra sàn phòng khách để đánh bạc nên T1 lấy chiếc thảm để dưới gầm phản trải ra sàn. T lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân làm công cụ đánh bạc và cùng với Kh, L, C, T3, T2 tham gia đánh bạc. Do không có tiền nên T1 không tham gia chơi. Trước khi chơi, T đưa cho Tr 50.000.000 đồng và bảo Tr làm “ngân hàng” để cho các con bạc vay tiền. T cũng thỏa thuận với T1 ở lại canh gác và phục vụ việc ăn uống cho mọi người, T sẽ thu tiền của các con bạc đưa cho T1 để đi mua thức ăn, còn thừa tiền thì T1 sẽ được hưởng. T1 đồng ý, sau đó đi lên tầng 2 nhà T để quan sát bên ngoài và canh gác. Trước khi chơi, T thu của Kh, L, C, T3, T2 mỗi người 200.000đ tiền “phé”.

Luật chơi được các đối tượng quy ước như sau: Khi chơi mỗi người chơi đặt 100.000đ xuống chiếu (gọi là tiền gà) rồi người cầm cái chia cho mỗi cửa chơi 03 quân bài để tính điểm. Sau khi các con bạc lên bài thì người cầm cái sẽ “tố” trước một số tiền (các con bạc quy định tiền tố thấp nhất là 100.000đ, cao nhất là 1.000.000đ) sau đó, theo chiều kim đồng hồ những người chơi khác có quyền theo “tố” hoặc “tố” thêm một số tiền nữa hoặc bỏ bài không tham gia chơi ván đó. Các con bạc có quyền “tố” liên tục đến khi nào người cuối cùng theo “tố” thì mới xem bài, ai bài cao nhất sẽ thắng và được lấy toàn bộ tiền gà và tiền các con bạc khác đã theo “tố”. Thứ tự bài từ cao xuống thấp được quy định là: “sáp” (có ba quân bài giống nhau), tiếp theo là “liêng” (có ba quân bài theo thứ tự), tiếp theo là “ảnh”(Có ba quân bài hình đầu người mà không phải là bài Sáp, Liêng)và cuối cùng là điểm (cộng tổng ba quân bài, cao nhất là 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm).

Vũ VănT là chủ nhà, sử dụng nhà ở của mình cho các con bạc đánh bạc để thu tiền phé. Đồng thời, T sử dụng 11.200.000 đồng để tham gia đánh bạc (trong đó 10.200.000 đồng là tiền có sẵn và 1.000.000 đồng tiền “phé” vừa thu được). Vũ Văn Tr sử dụng 10.000.000 đồng có sẵn cùng với 50.000.000 đồng T đưa được tổng số tiền 60.000.000 đồng để làm ngân hàng cho các con bạc vay tiền đánh bạc. Tr đã cho các con bạc vay

30.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng trên người đã bị thu giữ khi bắt quả tang. Nguyễn Văn T1 trái thảm, canh gác, phục vụ đánh bạc để hưởng lợi bất chính. L sử dụng 2.600.000 đồng, Kh sử dụng 1.200.000 đồng để tham gia đánh bạc. C sử dụng 1.800.000 đồng để đánh bạc, do thua hết nên đã vay của Tr 5.000.000 đồng để tiếp tục chơi bạc. T2 vay của Tr 20.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc. T3 sử dụng 1.700.000 đồng để đánh bạc, do thua hết nên đã vay của Tr 5.000.000 đồng để tiếp tục chơi bạc. Một lúc sau, T và các con bạc mỗi người bỏ ra 100.000 đồng, được tổng số tiền 600.000 đồng, sau đó đưa cho T1 đi mua thịt bò về phục vụ mọi người ăn uống đánh bạc. Khi các con bạc đang chơi thì bị lực lượng công an bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật. Khi Công an bắt quả tang, C và T2 đã ném bỏ tiền xuống chiếu và bỏ chạy thoát, T3 cầm theo tiền (không rõ bao nhiêu) chạy thoát, khi ra đến ngách nhỏ phía sau nhà T thì vứt bỏ tiền. T1 đi mua thịt về thấy vậy đã bỏ về nhà. Ngày 24.02.2021, sau khi T3 ra đầu thú, CQĐT-CA huyện Ba Vì đã tiến hành truy tìm vật chứng đối với số tiền T3 ném bỏ ở ngõ phía sau nhà T nhưng không phát hiện số tiền T3 đã ném bỏ nêu trên. Ngày 23/3/2021, T1 đã tự nguyện giao nộp 50.000 đồng tiền thu lời bất chính.

Vật chứng CQĐT đã thu giữ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài. 01 thảm trải màu đỏ, có hoa văn kích thước (1,8×2,2)m ; Số tiền các con bạc dùng để đánh bạc thu trên chiếu bạc: 21.310.000 đồng. Số tiền 3.600.000 đồng thu trên người của Nguyễn Văn L sử dụng để đánh bạc; Số tiền 2.800.000 đồng thu trên người của Nguyễn Văn Kh sử dụng để đánh bạc; Số tiền 30.000.000 đồng thu trên người của Vũ Văn Tr sử dụng cho các con bạc vay để đánh bạc; Số tiền 13.670.000 đồng thu trên người của Vũ Văn T sử dụng để đánh bạc; Số tiền 50.000 đồng là T1 tự nguyện giao nộp. Đối với các vật chứng trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Kho vật chứng và tài khoản tại kho bạc của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Ba Vì để phục vụ quá trình giải quyết án.

Tại bản cáo trạng số: 71 /CT-VKS ngày 16/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Truy tố các bị cáo Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn T1 về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn T2, Lê Văn T3 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội truy tố về tội “*Đánh bạc*” theo điểm b

khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đối với các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn T2, Lê Văn T3 và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 55 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 12 đến 15 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc và từ 30 đến 36 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt của 02 tội từ 42 đến 51 tháng tù; Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn T1 từ 12 đến 15 tháng. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh từ 36 đến 42 tháng tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T2 từ 30 đến 36 tháng tù. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Văn T3, Nguyễn Văn L từ 24 đến 30 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo. Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài ; 01 tấm trải màu đỏ, có hoa văn kích thước (1,8×2,2)m ; Đề nghị tịch thu xung công quỹ Nhà nước: Số tiền 21.310.000 đồng là số tiền các con bạc dùng để đánh bạc thu trên chiếu bạc; Số tiền 3.600.000 đồng thu trên người của Nguyễn Văn L sử dụng để đánh bạc ; Số tiền 2.800.000 đồng thu trên người của Nguyễn Văn Kh sử dụng để đánh bạc ; Số tiền 30.000.000 đồng thu trên người của Vũ Văn Tr sử dụng cho các con bạc vay để đánh bạc ; Số tiền 13.670.000 đồng thu trên người của Vũ Văn T sử dụng để đánh bạc; Số tiền 50.000 đồng là T1 tự nguyện giao nộp.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, lời khai nhận tội của các bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Vì, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo: Vũ Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Kh, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn C, Lê Văn T3, Nguyễn Văn L, đều đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo Vũ Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do phải đi cách ly bắt buộc do covid, quá trình điều tra, truy tố bị cáo Tr đều thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp biên bản kiểm tra hành chính, biên bản khám xét, biên bản đối chất, phù hợp lời khai của người làm chứng, biên bản thu giữ tang vật, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, như vậy HĐXX có đủ cơ sở xác định: Đêm ngày 04/02/2021, rạng sáng ngày 05/02/2021, tại thôn MT, xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, Vũ Văn T đã có hành vi dùng nhà ở của mình để cho 05 đối tượng đánh bạc nhằm thu tiền “phế”, đồng thời trực tiếp tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức chơi “liêng” cùng các con bạc gồm Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn T2, Lê Văn T3. Ngoài ra, T phân công Vũ Văn Tr làm “ngân hàng” cho các con bạc vay tiền và Nguyễn Văn T1 chuẩn bị thảm, canh gác, phục vụ đánh bạc, thì bị bắt quả tang. Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc, thu giữ trong người các bị cáo 71.380.000 đồng. Như vậy, HĐXX có đầy đủ căn cứ chứng minh hành vi của bị cáo Vũ Văn T đã phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 và tội “*Đánh bạc*” tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Hành vi của các bị cáo Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn T1 đã phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Kh, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn C, Lê Văn T3, Nguyễn Văn L, đã phạm tội “*Đánh bạc*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do vậy việc truy tố để xét xử các bị cáo ra trước Tòa án của

Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Tệ nạn cờ bạc cũng là mầm mống phát sinh nhiều các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Do vậy cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục riêng và làm bài học cảnh tỉnh C.

Trong vụ án Tổ chức đánh bạc có đồng phạm với tính chất đồng phạm phức tạp, các bị cáo có sự phân công, phân nhiệm, có nhiều bị cáo cùng tham gia do vậy cần phải đánh giá tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Vũ Văn T : Là người tổ chức đánh bạc, dùng nhà ở của mình tại xã VT, huyện Ba Vì để tổ chức cho 05 đối tượng đánh bạc, đồng thời phân công Vũ Văn Tr làm ngân hàng cho các con bạc vay tiền, cung cấp tiền cho Tr, phân công Nguyễn Văn T1 canh gác, phục vụ đánh bạc nhằm thu lời bất chính. Đồng thời, T sử dụng 11.200.000 đồng để tham gia đánh bạc (trong đó 10.200.000 đồng là tiền có sẵn và 1.000.000 đồng tiền thu “phế”). Do vậy, bị cáo T giữ vai trò đầu vụ, chịu mức án cao nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo Vũ Văn Tr là người được Vũ Văn T bàn bạc, trao đổi, phân công làm ngân hàng cho các con bạc vay tiền, Tr sử dụng số tiền 10.000.000đ có sẵn cùng với số tiền 50.000.000đ của T đưa cho để làm phương tiện phục vụ việc đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Văn T1, là người được Vũ Văn T phân công trải thảm, canh gác, phục vụ các đối tượng đánh bạc ăn uống, nhằm thu lời bất chính. Do vậy bị cáo Tr, T1 giữ vai trò và chịu mức án sau bị cáo T.

Trong vụ án Đánh bạc có đồng phạm, tuy nhiên là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể, có nhiều bị cáo cùng tham gia do vậy cần phải đánh giá tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Kh sử dụng số tiền 1.200.000đ để tham gia đánh bạc. mặc dù bị cáo Kh sử dụng số tiền vào việc đánh bạc ít nhất, nhưng bị cáo Kh có nhân thân, do vậy bị cáo Kh phải chịu mức án cao nhất trong vụ án đánh bạc. Đối với bị cáo Vũ Văn T2 sử dụng số tiền 20.000.000đ để đánh bạc, do vậy bị cáo T2 phải chịu mức án cao sau bị cáo Kh. Bị cáo Vũ Văn T sử dụng số tiền 11.200.000 đồng để tham gia đánh bạc. Bị cáo

Nguyễn Văn C sử dụng số tiền 5.800.000đ vào việc đánh bạc. Bị cáo Lê Văn T3 sử dụng số tiền 5.700.000đ vào việc đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng số tiền 2.600.000đ vào việc đánh bạc. Do vậy các bị cáo T, C, T3, L chịu mức án sau các bị cáo Kh, T2.

Về tình tiết T1 nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn T2, Lê Văn T3 đều không có tiết T1 nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn T2, Lê Văn T3, bị cáo Vũ Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn T2, Lê Văn T3 có nhân thân tốt, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn Kh, Vũ Văn T2 có người thân có công với cách mạng, các bị cáo Nguyễn Văn C, Vũ Văn T2, Lê Văn T3 khi sự việc xảy ra đã tự nguyện ra đầu thú. Do vậy các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn T2, Lê Văn T3 được hưởng tình tiết giảm quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn Kh có nhân thân: Tại Bản án số 45/2011/HSST ngày 28/4/2011 của TAND huyện Ba Vì xử phạt Kh 26 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc quy định tại Điều 248 BLHS năm 1999. Kh đã chấp hành xong án phí HSST ngày 16/7/2012.

Quá trình giải quyết vụ án. HĐXX Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã xác định Trong vụ án này, bị cáo Tr bị truy tố về tội “ *Tổ chức đánh bạc*” theo điểm c, d khoản 1 Điều 322 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017, đồng phạm với bị cáo T. Tại điểm d khoản 1 Điều 322 quy định: “ *Có tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc...*”, hành vi của bị cáo Tr làm “ngân hàng” cho các bị cáo khác vay tiền, bản chất là cầm cố tài sản, được quy định tại điểm d khoản 1 điều 322 BLHS. Như vậy số tiền 30.000.000đ thu giữ trong người bị cáo Tr phải được xác định là công cụ, phương tiện, vật chứng của vụ án “*Tổ chức đánh bạc*” mà bị cáo Tr đã bị truy tố. Xác định số tiền: 30.000.000đ thu giữ trong người bị cáo Tr là

công cụ, phương tiện, vật chứng của vụ án “*Tổ chức đánh bạc*”, chứ không phải là công cụ, phương tiện, vật chứng của vụ án “*Đánh bạc*”. HĐXX đã trả hồ sơ cho VKSND huyện Ba Vì để điều tra bổ sung: “*Đề nghị xem xét lại điểm, khoản đã truy tố đối với các bị cáo: Vũ Văn T, Nguyễn Văn Kh, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn C, Lê Văn T3, Nguyễn Văn L về tội “Đánh bạc”*”. Tại công văn số 401/CV-VKS ngày 12/10/2021 VKSND huyện Ba Vì giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản Cáo trạng số 71/Ct-VKS ngày 16/7/2021.

Qua phân tích và nhận định nêu trên, để đánh giá một cách khách quan, toàn diện về tính chất vụ án, hành vi của các bị cáo đã thực hiện, các tình tiết T1 nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, HĐXX nhận định: Đối với bị cáo Vũ Văn T đã có hành vi tổ chức cho 05 người đánh bạc tại nhà của bị cáo, phân công người làm ngân hàng cho vay tiền, phân công người canh gác, thu tiền phé, bị cáo Vũ Văn T đồng thời sử dụng số tiền 11.200.000đ vào việc cùng tham gia chơi đánh bạc, bị cáo T cùng lúc đã phạm 02 tội “*Tổ chức đánh bạc*” và tội “*Đánh bạc*”, do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc theo Điều 38 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung 2017, cách ly các bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới các tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình HĐXX xét bị cáo Vũ Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người thân bị cáo có công với cách mạng, do vậy áp dụng Điều 54 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung 2017 cho bị cáo Vũ Văn T được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo T được hưởng chính sách nhân đạo nhà nước, hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, yên tâm cải tạo sớm hòa nhập xã hội.

Đối với các bị cáo Vũ Văn Tr, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người thân bị cáo có công với cách mạng, được xét áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung 2017 cho bị cáo Vũ Văn Tr được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cho các bị cáo được hưởng chính sách nhân đạo nhà nước, hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Bản thân bị cáo làm theo sự chỉ đạo của bố để bị cáo là bị cáo T, làm ngân hàng cho vay không vì mục đích lấy lãi kiếm lời, bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, không trực tiếp chơi đánh bạc, bố để bị cáo là bị cáo T phạm liền một lúc 02 tội, nếu tiếp tục áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo dẫn đến hoàn cảnh gia đình cực kỳ khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, do vậy cho bị cáo Tr được hưởng chính sách nhân đạo nhà

nước, hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. HĐXX xét thấy các bị cáo Vũ Văn Tr có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, do vậy HĐXX xem xét áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cho bị cáo Vũ Văn Tr được hưởng án treo, giáo dục cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo chỉ là người được phân công canh gác mở cổng ra vào, lên tầng 2 quan sát, phục vụ trải thảm, không được hưởng lợi gì, khi bị cáo T đưa cho bị cáo 600.000đ để đi mua thịt bò về nấu ăn phục vụ, bị cáo mua hết 550.000đ số tiền còn lại 50.000đ bị cáo đã tự nguyện giao nộp, xác định bị cáo là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng với vai trò không đáng kể, nên được xét áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung 2017 cho bị cáo Nguyễn Văn T1, được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cho bị cáo được hưởng chính sách nhân đạo nhà nước, hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. HĐXX xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T1 có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, do vậy HĐXX xem xét áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cho các bị cáo Nguyễn Văn T1 được hưởng án treo, giáo dục cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Kh có nhân thân: Tại Bản án số 45/2011/HSST ngày 28/4/2011 của TAND huyện Ba Vì xử phạt Kh 26 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc quy định tại Điều 248 BLHS năm 1999. Kh đã chấp hành xong toàn bộ bản án và án phí HSST ngày 16/7/2012. Bị cáo Nguyễn Văn Kh được xác định có nhân thân tốt theo khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của TANDTC, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Kh đã thành khẩn khai nhận tội, ăn năn hối cải, hành vi bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người thân bị cáo có công với cách mạng. HĐXX xét thấy bị cáo Nguyễn Văn Kh có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, do vậy HĐXX xem xét áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung

năm 2017, cho bị cáo Nguyễn Văn Kh được hưởng án treo, giáo dục cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với các bị cáo Vũ Văn T2, Nguyễn Văn C, Lê Văn T3, Nguyễn Văn L, đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được xét áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung 2017 cho các bị cáo Vũ Văn T2, Nguyễn Văn C, Lê Văn T3 Nguyễn Văn L được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cho các bị cáo được hưởng chính sách nhân đạo nhà nước, hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. HĐXX xét thấy các bị cáo Vũ Văn T2, Nguyễn Văn C, Lê Văn T3 Nguyễn Văn L có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, do vậy HĐXX xem xét áp dụng Điều 65 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cho các bị cáo Vũ Văn T2, Nguyễn Văn C, Lê Văn T3 Nguyễn Văn L được hưởng án treo, giáo dục cải tạo tại địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Hình phạt bổ sung : Tại khoản 3 Điều 322 BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”, xét thấy bị cáo Nguyễn Văn T1 có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, do vậy HĐXX miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Tại khoản 3 điều 321 BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn C, Vũ Văn T2, Lê Văn T3, Nguyễn Văn Kh có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập chính từ làm ruộng, do vậy HĐXX miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS vật chứng được xử lý như sau: Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài ; 01 thảm trải màu đỏ, có hoa văn kích thước (1,8×2,2)m được xác định là công cụ, phương tiện phạm tội cần phải tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 71.430.000đ (Bảy mươi một triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng) là số tiền các con bạc dùng để đánh bạc thu trên chiếu bạc, thu trên người các con bạc và thu lời bất chính, cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 09 chiếc điện thoại di động CQĐT thu giữ của các bị cáo: T, Tr, Kh, L, T2, T3. CQĐT xác định 09 chiếc điện thoại này các bị cáo chỉ sử dụng việc các nhân, không

liên quan đến vụ án, CQĐT đã trả lại 09 chiếc điện thoại này cho các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với 01 chiếc ví da thu giữ của bị cáo T, xác định chiếc ví này bị cáo chỉ sử dụng việc lưu giữ giấy tờ cá nhân, không liên quan vụ án. Đối với 01 áo khoác màu đen nhãn hiệu Binkezo thu giữ của bị cáo T3, xác định không có liên quan vụ án, CQĐT đã trả lại cho các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 150i có BKS 29V1 – 644.41 thu giữ của bị cáo L. 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 125i có BKS 29V1 – 657.63 thu giữ của bị cáo C. 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Drream có BKS 29V1 – 362.07 thu giữ của bị cáo T. 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha BKS 29V1 – 642.88 thu giữ của bị cáo Tr. 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave S có BKS 29E1 – 771.26 thu giữ của bị cáo T2. CQĐT xác định không có liên quan đến vụ án, đã trả lại cho các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với chiếc xe máy Honda SH 150i màu trắng, BKS 29 V1 – 563.37 mà CQĐT thu giữ xác định được chủ sở hữu, sử dụng hợp pháp là anh Đỗ Văn K3, chiếc xe máy này anh K3 gửi nhờ nhà bị cáo Tr, không có liên quan gì đến vụ án. CQĐT đã trả lại cho anh K3 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với chiếc xe máy Honda SH Mode BKS 29 V1 – 435.30 mà CQĐT thu giữ, xác định được chủ sở hữu, sử dụng hợp pháp là chị Đỗ Thị T5 (là vợ bị cáo Đỗ Văn K3), chiếc xe máy này bị cáo Kh đi đến nhà bị cáo T ngồi chơi uống nước, sau đó các bị cáo rủ nhau chơi đánh bạc, khi bị cáo Kiều lấy chiếc xe máy này đi chơi, chị T5 không biết, CQĐT xác định không liên quan vụ án, đã trả lại cho chị T5 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Xử: Tuyên bố các bị cáo: Vũ Văn T phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”.Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn T1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.
Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn Kh, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn L, Lê Văn T3 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 55 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn T: 12 (*Mười hai*) tháng tù về tội “ *Tổ chức đánh bạc*” và 24 (

Hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, bị cáo Vũ Văn T phải chấp hành hình phạt C là: 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 05/02/2021 đến 07/02/2021.

3. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 65 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn Tr: 11 (*Mười một*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 (*Hai mươi hai*) tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54, Điều 65 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1: 10 (*Mười*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (*Hai mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh: 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (*Sáu mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54, Điều 65 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn T2: 30 (*Ba mươi*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (*Sáu mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C: 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (*Bốn mươi tám*) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T3: 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (*Bốn mươi tám*) tháng kể từ ngày tuyên án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L: 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (*Bốn mươi tám*) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Kh, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn C, Lê Văn T3, Nguyễn Văn L về Ủy ban nhân dân xã VT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án

hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

7. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài ; 01 thảm trải màu đỏ, có hoa văn kích thước (1,8×2,2)m (*Như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản, ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa Công an huyện Ba Vì với Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba vì, thành phố Hà Nội*)

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền: 71.430.000đ (*Bảy mươi một triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) (*Theo như lệnh thanh toán tiền mặt ngày 14/9/2021 của Agribank Chi nhánh huyện Ba Vì, Hà Tây I – Thông tin người nhận: Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì*).

8. Án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ;Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn Tr, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Kh, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn C, Lê Văn T3, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ(*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, điều 333 BLTTHS

Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn Kh, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn C, Lê Văn T3, Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Vũ Văn Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đỗ Thị T5, anh Đỗ Văn K3 được quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND huyện Ba Vì;
- Công an huyện Ba Vì;
- Chi cục thi hành án huyện Ba Vì;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Phúc Thịnh